

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/QĐ-TA

Pleiku, ngày 26 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
Áp dụng biện pháp xử lý hành chính
đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. *Thẩm phán*: Ông Lê Văn Nhân.
2. *Thư ký phiên họp*: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số: 77/QĐ-TA ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với:

Họ và tên: Phạm Thị Ngọc B (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 22 tháng 8 năm 1994.

Số CMND: , ngày cấp: , nơi cấp:

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 6/12.

Nguyên quán: Tỉnh T.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh T.

Chỗ ở: Không nơi ở nhất định.

Nghề nghiệp: Không.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1955 và bà Võ Thị T, sinh năm 1971.

Vắng mặt tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. *Đại diện cơ quan đề nghị*: Bà Đoàn Hòa Bình - Chuyên viên của Phòng Lao động, Thương binh và xã hội thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (theo Biên bản ủy quyền số: 77/UQ-LĐTBXH ngày 26-11-2020).

2. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai*: Bà Cao Thảo Nga-Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Phạm Thị Ngọc B là đối tượng nghiện ma túy, không có nơi cư trú ổn định, B bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 10 năm 2019, loại ma túy mà B sử dụng là ma túy tổng hợp, dạng “Khay”, sử dụng bằng hình thức như sau: Đối tượng B bỏ ma

túy vào ly nước ngọt hòa tan và uống trực tiếp vào cơ thể. Vào lúc 19 giờ 00 ngày 14-10-2020 Phạm Thị Ngọc B đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại địa chỉ quán Karaoke King tại 65 N, phường H, thành phố P, tỉnh G nên bị Công an phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai lập biên bản xử lý vi phạm hành chính số: 0003563/BB-VPHC. Qua xác định, Phạm Thị Ngọc B không có nơi cư trú ổn định nên Công an phường H, thành phố Pleiku đã lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Thị Ngọc B.

Theo biên bản xác minh ngày 19-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thể hiện đối tượng Phạm Thị Ngọc B hiện đã trốn khỏi Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai trong thời gian đang chờ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku ra quyết định áp dụng xử lý vi phạm hành chính đối với Phạm Thị Ngọc B. Do đó, cần áp dụng điểm k khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 quy định về tình tiết tăng nặng để có một mức xử phạt tương ứng với hành vi vi phạm của đối tượng.

Tại phiên họp, đại diện Phòng Lao động-Thương binh và xã hội thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Thị Ngọc B với thời hạn từ 12 tháng đến 18 tháng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục của Luật xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH 13 ngày 20-01-2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trình tự xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Đồng ý với đề nghị của đại diện Phòng Lao động-Thương binh và xã hội thành phố Pleiku về quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với đối tượng **Phạm Thị Ngọc B**.

XÉT THẤY:

Về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

Hồ sơ đầy đủ các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09-9-2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [221/2013/NĐ-CP](#) ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về hành vi vi phạm: Ngày 14 tháng 10 năm 2020, Phạm Thị Ngọc B có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện, Công an phường H lập biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 15-10-2020. Quá trình làm việc Phạm Thị Ngọc B đều khai nhận có việc sử dụng ma túy này.

Tại phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy ngày 15-10-2020 của Trung tâm y tế thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xác định Phạm Thị

Ngọc B có nghiện ma túy: Thuộc nhóm ATS (Methamphetamin, Amphetamine, MDMA). Phiếu trả lời này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số: 221/2013/NĐ-CP ngày 30-12-2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số: 136/NĐ-CP ngày 09-9-2016 của Chính phủ. Vì vậy, Tòa án có căn cứ khẳng định Phạm Thị Ngọc B có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tài liệu xác định đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Biên bản xác minh ngày 20-10-2020 của Công an phường H tiến hành xác minh tại nơi ở đăng ký hộ khẩu thường trú của B xác định “*Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 4, thị trấn D, huyện D, T. Bà B thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ bà B đi đâu và làm gì. Có cha Phạm Văn T, sinh năm 1955, mẹ Võ Thị T, sinh năm 1971 đều đăng ký hộ khẩu, thường trú tại địa phương. Hiện tại chưa phát hiện vi phạm gì*”.

Về thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Kể từ ngày 14-10-2020, Phạm Thị Ngọc B thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép lần cuối bị phát hiện và lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép, đến ngày mở phiên họp vẫn còn trong thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30-12-2013 của Chính phủ và theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trưởng Công an phường H lập hồ sơ đối với đối tượng Phạm Thị Ngọc B và ra Thông báo số: 28/TB – CAP ngày 22-10-2020, về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ – CP ngày 30-12-2013 của Chính phủ. Cùng ngày, Phạm Thị Ngọc B được đọc hồ sơ.

Như vậy, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30-12-2013 của Chính phủ.

Phạm Thị Ngọc B bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 10 năm 2019; loại ma túy sử dụng là ma túy tổng hợp, dạng “Khay”. Ngoài ra, các lần sử dụng ma túy trước đây của Phạm Thị Ngọc B không bị phát hiện nên không có căn cứ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Phạm Thị Ngọc B có đủ nhận thức để nhận biết hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước về ma túy nhưng vẫn cố tình sử dụng. Hành vi này của Phạm Thị Ngọc B không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của bản thân mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội.

Quá trình giải quyết vụ việc, đối tượng đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trong thời gian đang chờ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku ra quyết định áp dụng xử lý vi phạm đối với Phạm Thị Ngọc B thì đối tượng đã bỏ trốn. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Vì vậy, cần phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Phạm Thị Ngọc B.**

Căn cứ vào các Điều 7, 9, 95, 96, 103, 104, 105, 107 và 108 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào các Điều 22, 23, 24, 30, 31 và 32 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH 13 ngày 20-01-2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào các Điều 4, 8 và 13 Nghị định số **221/2013/NĐ-CP** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ; căn cứ Điều 3, 9 Nghị định số: 136/2016/NĐ-CP ngày 09-9-2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số **221/2013/NĐ-CP** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Vì các lẽ trên;

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Phạm Thị Ngọc B.**

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là **18** tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố Quyết định, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố Pleiku có quyền kiến nghị, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có quyền kháng nghị Quyết định của Tòa án. Riêng đối với đối tượng **Phạm Thị Ngọc B** có quyền khiếu nại trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày quyết định được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định: Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- **Phạm Thị Ngọc B;**
- CA Tp Pleiku;
- VKSND Tp Pleiku;
- Phòng LĐ-TB&XH Tp Pleiku;
- UBND phường H ;
- Công an phường H ;
- Cơ sở Tư vấn và cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhàn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09:

- (1) và (3) Ghi tên Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H).
- (2) Trường hợp Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bỏ cụm từ “(không áp dụng)”.
- (4) Ghi địa điểm Tòa án tiến hành mở phiên họp (ví dụ: tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H).
- (5) Ghi tóm tắt hành vi vi phạm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; các ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát, người bị đề nghị tại phiên họp.
- (6) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; về ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.
- (7) Trường hợp Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì có điểm 2 và điểm 5 phần quyết định; trường hợp Tòa án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bỏ điểm 2 và điểm 5 phần quyết định.

(8) Ghi quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

(9) Ghi tên cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 110 của Luật xử lý vi phạm hành chính.